

Số: /KH-VPQH

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai các nền tảng số dùng chung của Quốc hội đến các cơ quan dân cử

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 1343/NQ-UBTVQH15 ngày 31/12/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xây dựng và phát triển Quốc hội số giai đoạn 2024-2026, định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết số 1637/NQ-UBTVQH15 ngày 13/5/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê duyệt Đề án Chuyển đổi số của Quốc hội giai đoạn 2025-2030;

- Kế hoạch số 3280/KH-VPQH ngày 09/9/2025 của Văn phòng Quốc hội triển khai thực hiện Đề án Chuyển đổi số của Quốc hội giai đoạn 2025-2030;

- Công văn số 4973/VPQH-CDS ngày 12/12/2025 của Văn phòng Quốc hội gửi Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố về việc giới thiệu các nền tảng số dùng chung và đề nghị đăng ký nhu cầu sử dụng;

- Ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn tại Tờ trình số 788/TTr-VPQH ngày 08/4/2026 của Văn phòng Quốc hội về việc xin ý kiến chỉ đạo triển khai các nền tảng số dùng chung của Quốc hội đến các cơ quan dân cử;

Căn cứ đăng ký của các địa phương, Văn phòng Quốc hội ban hành Kế hoạch triển khai các nền tảng số dùng chung của Quốc hội đến các cơ quan dân cử có nhu cầu sử dụng, cụ thể như sau:

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai các nền tảng số dùng chung của Quốc hội đến các cơ quan dân cử nhằm cụ thể hóa chủ trương xây dựng và phát triển Quốc hội số, đẩy mạnh chuyển đổi số đồng bộ, liên thông từ Trung ương đến địa phương.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố.

- Từng bước hình thành môi trường làm việc số, quản trị số, điều hành số, nghiệp vụ số trong các cơ quan dân cử; tăng cường kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu dùng chung giữa Quốc hội với các cơ quan dân cử.

- Phát huy hiệu quả đầu tư, khai thác các nền tảng số, hệ thống thông tin đã được Văn phòng Quốc hội chủ trì xây dựng, hoàn thiện, đưa vào vận hành; tạo nền tảng để mở rộng triển khai trong giai đoạn tiếp theo.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai phải bám sát chủ trương, định hướng chuyển đổi số của Đảng, Nhà nước, Quốc hội; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, mô hình tổ chức, điều kiện thực tế và nhu cầu sử dụng của từng địa phương.

- Bảo đảm thiết thực, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm; phù hợp với mức độ sẵn sàng về hạ tầng kỹ thuật, dữ liệu, nhân lực, kinh phí và điều kiện vận hành của địa phương.

- Bảo đảm tính đồng bộ về định hướng, thống nhất về yêu cầu kỹ thuật, an toàn, an ninh thông tin, đồng thời linh hoạt về lộ trình, phương thức triển khai theo từng nền tảng và từng địa phương.

- Bảo đảm rõ đầu mối, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả; tăng cường sự phối hợp giữa Văn phòng Quốc hội, đơn vị kỹ thuật, cơ quan dân cử địa phương và các đơn vị có liên quan.

- Gắn việc triển khai nền tảng với việc hướng dẫn nghiệp vụ, đào tạo, tập huấn, hỗ trợ vận hành, theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng; lấy hiệu quả thực chất trong phục vụ công việc làm thước đo.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG

1. Phạm vi

Triển khai các nền tảng số dùng chung của Quốc hội trong phạm vi các cơ quan dân cử theo nhu cầu, điều kiện thực tế, khả năng tiếp nhận, vận hành và lộ trình phù hợp.

2. Đối tượng

- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, có liên quan trong quá trình phối hợp triển khai, hỗ trợ, vận hành.

3. Các nền tảng số dùng chung

- Nền tảng Bình dân học vụ số – Quốc hội số.

- Hệ thống phần mềm dân nguyện (ý kiến cử tri và khiếu nại, tố cáo).
- Nền tảng hợp không giấy tờ (Q-Cabinet).
- Nền tảng hỗ trợ công tác đại biểu và cơ quan dân cử (trên cơ sở tích hợp các hệ thống Trang thông tin của Hội đồng bầu cử quốc gia, quản lý thông tin bầu cử, quản lý hồ sơ đại biểu).

IV. NGUYÊN TẮC

- Triển khai theo nhu cầu và điều kiện thực tế của từng địa phương; ưu tiên các địa phương có điều kiện hạ tầng và nhân lực đáp ứng yêu cầu.
- Bảo đảm tuân thủ kiến trúc, tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu tích hợp, chia sẻ dữ liệu, an toàn, an ninh thông tin, phân quyền quản lý, khai thác, sử dụng theo quy định.
- Bảo đảm không trùng lặp, chồng chéo, lãng phí nguồn lực đầu tư; trường hợp địa phương đã có hệ thống tương tự đang vận hành hiệu quả thì thực hiện rà soát, đánh giá để lựa chọn phương án tích hợp, kế thừa hoặc triển khai phù hợp.
- Văn phòng Quốc hội giữ vai trò chủ trì, điều phối, hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật và tổng hợp tình hình triển khai; địa phương chủ động phối hợp, chuẩn bị điều kiện cần thiết để tiếp nhận, vận hành, khai thác hiệu quả.
- Việc triển khai được thực hiện theo lộ trình, chuẩn bị, khảo sát, cài đặt, cấu hình, đào tạo, vận hành thử, đánh giá, hoàn thiện và khai thác chính thức.
- Các nội dung phát sinh vượt thẩm quyền phải được tổng hợp, kịp thời báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Quốc hội.

V. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Triển khai hiệu quả các nền tảng số dùng chung của Quốc hội đến các cơ quan dân cử, góp phần hiện đại hóa phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng tham mưu, phục vụ, điều hành, quản trị, xử lý công việc, qua đó thúc đẩy xây dựng Quốc hội số đồng bộ, liên thông, thống nhất trong toàn hệ thống.

2. Mục tiêu cụ thể

- Rà soát nhu cầu, phân nhóm địa phương, xác định phạm vi triển khai phù hợp đối với từng nền tảng.
- Triển khai đối với các địa phương đăng ký sử dụng theo lộ trình năm 2026 và các giai đoạn tiếp theo, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn.
- Mỗi nền tảng được triển khai phải có đầy đủ phương án về nghiệp vụ, kỹ thuật, hạ tầng, tài khoản, dữ liệu, hướng dẫn sử dụng, đào tạo người dùng và hỗ trợ vận hành.

- Hình thành đầu mối quản trị, phối hợp, hỗ trợ kỹ thuật và nghiệp vụ giữa Văn phòng Quốc hội với các địa phương trong suốt quá trình triển khai và sử dụng.

- Trên cơ sở kết quả triển khai, đánh giá hiệu quả, rút kinh nghiệm, hoàn thiện mô hình, quy trình, tài liệu để làm cơ sở mở rộng phạm vi trong thời gian tiếp theo.

VI. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

1. Rà soát, xác định nhu cầu và điều kiện triển khai

- Rà soát nhu cầu sử dụng của các cơ quan dân cử đối với từng nền tảng; đối chiếu với thực tế tổ chức bộ máy, phạm vi nghiệp vụ, mức độ sẵn sàng, khả năng tiếp nhận và vận hành.

- Phân nhóm địa phương theo từng mức độ: Có thể triển khai ngay; cần khảo sát, hướng dẫn, chuẩn bị thêm điều kiện; chưa triển khai trong giai đoạn hiện tại do chưa có nhu cầu hoặc đã có hệ thống phù hợp.

- Rà soát hiện trạng hạ tầng công nghệ thông tin, đường truyền, thiết bị, nhân lực kỹ thuật, nhân lực nghiệp vụ, đầu mối quản trị tại địa phương.

- Rà soát các hệ thống, phần mềm công nghệ thông tin mà địa phương đang sử dụng có liên quan để đánh giá khả năng tích hợp, kế thừa, kết nối dữ liệu hoặc lựa chọn phương án triển khai phù hợp.

2. Xây dựng phương án triển khai chi tiết đối với từng nền tảng

- Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng người dùng, quy mô triển khai, yêu cầu nghiệp vụ, yêu cầu kỹ thuật, phương thức triển khai đối với từng nền tảng.

- Làm rõ các nội dung: Hiện trạng nền tảng; chức năng chính sẵn sàng triển khai; điều kiện tiên quyết để triển khai; yêu cầu về dữ liệu đầu vào, phân quyền, quản trị; yêu cầu về hạ tầng, thiết bị đầu cuối, kết nối mạng; yêu cầu về an toàn, an ninh thông tin; yêu cầu về nhân sự phối hợp, vận hành, hỗ trợ.

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn triển khai, hướng dẫn sử dụng, tài liệu tập huấn, quy trình phối hợp, quy chế quản trị, vận hành đối với từng nền tảng.

3. Tổ chức khảo sát, làm việc và thống nhất với địa phương

- Tổ chức làm việc với địa phương theo từng nền tảng hoặc theo nhóm địa phương để thống nhất phạm vi, nội dung, lộ trình, hình thức triển khai.

- Xác định rõ đầu mối phối hợp của Văn phòng Quốc hội, đơn vị kỹ thuật và địa phương; thống nhất phương thức trao đổi, xử lý vướng mắc trong quá trình triển khai.

- Hướng dẫn địa phương chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tiếp nhận nền tảng, gồm: Hạ tầng kỹ thuật, nhân lực, dữ liệu, quy trình nghiệp vụ, đầu mối quản trị và hỗ trợ người dùng.

4. Tổ chức thiết lập, cài đặt, cấu hình và kiểm thử

- Thực hiện cài đặt, cấu hình hệ thống theo phương án được phê duyệt, bảo đảm phù hợp với đặc thù của từng nền tảng và từng địa phương.
- Thiết lập đơn vị, tài khoản, nhóm người dùng, phân quyền, danh mục dùng chung, quy trình nghiệp vụ, cấu hình tham số hệ thống.
- Thực hiện kiểm thử kỹ thuật, kiểm thử nghiệp vụ, rà soát mức độ đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng thực tế trước khi đưa vào vận hành.
- Đối với các nền tảng có yêu cầu tích hợp, chia sẻ dữ liệu, thực hiện kết nối thử nghiệm, kiểm tra luồng dữ liệu, bảo đảm đồng bộ, ổn định, an toàn.

5. Đào tạo, tập huấn, hướng dẫn sử dụng

- Tổ chức đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ quản trị hệ thống, cán bộ phụ trách nghiệp vụ và người dùng trực tiếp tại địa phương.
- Nội dung tập huấn tập trung vào: Quy trình sử dụng nền tảng; quy trình quản trị, phân quyền; quy trình cập nhật, xử lý, theo dõi dữ liệu; xử lý các tình huống thường gặp; phương thức phối hợp hỗ trợ kỹ thuật và nghiệp vụ.
- Cung cấp đầy đủ tài liệu hướng dẫn, đầu mối hỗ trợ, kênh trao đổi trong quá trình sử dụng.

6. Vận hành thử và hoàn thiện

- Tổ chức vận hành thử tại các địa phương, đơn vị được lựa chọn theo từng nền tảng để đánh giá mức độ phù hợp, khả năng đáp ứng yêu cầu thực tiễn.
- Theo dõi, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, phản ánh của người dùng; kịp thời điều chỉnh, cấu hình, hoàn thiện hệ thống, quy trình, tài liệu hướng dẫn.
- Đánh giá kết quả vận hành thử theo các tiêu chí: Mức độ ổn định của hệ thống, khả năng đáp ứng nghiệp vụ, mức độ thuận tiện khi sử dụng, khả năng phối hợp giữa các đầu mối, mức độ sẵn sàng đưa vào khai thác chính thức.

7. Triển khai chính thức và hỗ trợ sau triển khai

- Trên cơ sở kết quả vận hành thử, tổ chức đưa nền tảng vào khai thác chính thức tại địa phương khi đáp ứng các điều kiện cần thiết.
- Thiết lập cơ chế hỗ trợ, theo dõi, giám sát quá trình sử dụng; hướng dẫn xử lý lỗi phát sinh; tiếp nhận phản ánh, kiến nghị để kịp thời khắc phục.
- Duy trì đầu mối hỗ trợ kỹ thuật, đầu mối nghiệp vụ; định kỳ đánh giá tình hình sử dụng, hiệu quả khai thác, đề xuất điều chỉnh, nâng cấp, mở rộng.

8. Nội dung triển khai theo từng nền tảng

8.1. Đối với nền tảng Bình dân học vụ số – Quốc hội số

- Rà soát đối tượng sử dụng, phạm vi sử dụng, danh mục nội dung, tài khoản và phân quyền.

- Thiết lập môi trường khai thác, hướng dẫn cập nhật, sử dụng và quản trị.

- Tổ chức đào tạo, hỗ trợ đưa nền tảng vào sử dụng tại địa phương.

- Đánh giá mức độ khai thác và hiệu quả sử dụng trong phục vụ hoạt động chuyên môn.

8.2. Đối với hệ thống phần mềm dân nguyện

- Rà soát quy trình tiếp nhận, phân loại, theo dõi, xử lý ý kiến cử tri và khiếu nại, tố cáo tại địa phương.

- Thiết lập quy trình nghiệp vụ trên hệ thống, phân quyền tài khoản, phân quyền xử lý.

- Hướng dẫn cập nhật dữ liệu, khai thác báo cáo, theo dõi tiến độ xử lý.

- Tăng cường hỗ trợ trong giai đoạn đầu sử dụng để bảo đảm vận hành đúng nghiệp vụ.

8.3. Đối với nền tảng Q-Cabinet

- Rà soát nhu cầu tổ chức phiên họp, kỳ họp, họp giao ban, họp chuyên đề.

- Thiết lập đơn vị, phiên họp, tài liệu, tài khoản, quyền truy cập và chức năng hỗ trợ họp.

- Hướng dẫn quy trình chuẩn bị phiên họp, gửi tài liệu, tra cứu tài liệu, trao đổi, sử dụng trên thiết bị.

- Tổ chức vận hành thử tại một số cuộc họp, kỳ họp phù hợp trước khi triển khai chính thức.

8.4. Đối với nền tảng hỗ trợ công tác đại biểu và cơ quan dân cử

- Rà soát phạm vi sử dụng, đối tượng sử dụng, mô hình khai thác và yêu cầu cập nhật, quản lý, chia sẻ, tổng hợp thông tin phục vụ công tác đại biểu và hoạt động của các cơ quan dân cử.

- Thiết lập, cấu hình hệ thống; phân quyền tài khoản; hướng dẫn cập nhật, khai thác hồ sơ, dữ liệu, biểu mẫu, báo cáo và các chức năng phục vụ công tác quản lý, theo dõi, tổng hợp thông tin.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tại địa phương tổ chức khai thác, sử dụng nền tảng thống nhất, đồng bộ, gắn với yêu cầu nghiệp vụ thực tế và khả năng kết nối, tích hợp với các hệ thống thông tin có liên quan.

- Bảo đảm khả năng sẵn sàng vận hành, khai thác phục vụ công tác đại biểu và hoạt động của cơ quan dân cử; đồng thời, đáp ứng yêu cầu cập nhật, tổng hợp, khai thác thông tin khi có nhiệm vụ liên quan đến công tác bầu cử.

- Đánh giá hiệu quả khai thác, khả năng kết nối, chia sẻ, đồng bộ thông tin và đề xuất phương án hoàn thiện, mở rộng trong quá trình triển khai thực tế.

VII. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Giai đoạn 1: Rà soát, xây dựng phương án

- Rà soát nhu cầu đăng ký của các địa phương.
- Xây dựng kế hoạch chi tiết cho từng nền tảng.
- Phân công đầu mối phụ trách, đầu mối phối hợp.
- Chuẩn bị tài liệu hướng dẫn, biểu mẫu, phương án kỹ thuật.

2. Giai đoạn 2: Khảo sát, làm việc và thống nhất với địa phương

- Tổ chức khảo sát trực tiếp hoặc trực tuyến.
- Đánh giá mức độ sẵn sàng của từng địa phương.
- Thống nhất phạm vi, lộ trình, hình thức triển khai.
- Hoàn thiện phương án triển khai chi tiết.

3. Giai đoạn 3: Thiết lập, cài đặt, đào tạo, vận hành thử

- Cài đặt, cấu hình, thiết lập tài khoản, phân quyền.
- Tổ chức tập huấn, đào tạo người dùng.
- Triển khai vận hành thử.
- Theo dõi, điều chỉnh, hoàn thiện.

4. Giai đoạn 4: Triển khai chính thức, đánh giá, mở rộng

- Đưa vào khai thác chính thức tại các địa phương đáp ứng điều kiện.
- Theo dõi, hỗ trợ, tổng hợp tình hình sử dụng.
- Đánh giá kết quả thực hiện.
- Rút kinh nghiệm, đề xuất mở rộng trong thời gian tiếp theo.

5. Tiến độ thực hiện

Căn cứ thời gian đăng ký của từng địa phương, điều kiện thực tế và khả năng tổ chức triển khai, Văn phòng Quốc hội chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng tiến độ chi tiết theo từng nền tảng, từng địa phương, bảo đảm phù hợp, khả thi, hiệu quả.

VIII. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Vụ Chuyển đổi số

- Là đơn vị đầu mối chủ trì tham mưu tổ chức triển khai Kế hoạch.

- Chủ trì rà soát nhu cầu, phân nhóm địa phương, xây dựng tiến độ và phương án triển khai chi tiết.

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan; các địa phương trong quá trình khảo sát, cài đặt, đào tạo, hỗ trợ vận hành.

- Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Lãnh đạo Văn phòng Quốc hội.

- Chủ trì, phối hợp với Tập đoàn Viettel hướng dẫn chi tiết yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật, dữ liệu, nhân sự và an toàn, an ninh thông tin đối với từng nền tảng, từng địa phương.

- Tổng hợp khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp xử lý, kiến nghị điều chỉnh, bổ sung khi cần thiết.

- Căn cứ Kế hoạch, các đơn vị chuyên môn, đơn vị kỹ thuật và các cơ quan dân cử ở địa phương chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết hoặc phương án phối hợp triển khai đối với từng nền tảng, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi.

- Định kỳ hàng tháng, tổng hợp, đánh giá tiến độ, kết quả triển khai; tham mưu báo cáo Lãnh đạo Văn phòng Quốc hội và đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp tiếp theo.

2. Các cục, vụ, đơn vị liên quan

- Phối hợp rà soát nghiệp vụ, hoàn thiện yêu cầu chức năng, quy trình phối hợp và tài liệu hướng dẫn đối với nền tảng có liên quan.

- Phối hợp tham gia tập huấn, hướng dẫn, giải đáp nghiệp vụ trong quá trình triển khai và sử dụng.

- Phối hợp đánh giá hiệu quả, đề xuất hoàn thiện nền tảng.

3. Đề nghị Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội

- Phối hợp với Vụ Chuyên đổi số, các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc khảo sát, xây dựng kế hoạch triển khai, phương án kỹ thuật, cài đặt, cấu hình, kiểm thử, đào tạo và hỗ trợ vận hành.

- Bảo đảm yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng dịch vụ, an toàn thông tin, tiến độ triển khai theo kế hoạch.

- Kịp thời phối hợp xử lý lỗi, khắc phục sự cố, hỗ trợ người dùng trong quá trình vận hành.

4. Đề nghị Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố

- Cử cán bộ làm đầu mối trong việc chỉ đạo, đầu mối chuyên môn, đầu mối kỹ thuật để phối hợp với Văn phòng Quốc hội (Vụ Chuyên đổi số).

- Rà soát nhu cầu, hiện trạng, điều kiện hạ tầng, nhân sự; phối hợp cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời.

- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tiếp nhận, vận hành, khai thác nền tảng theo phương án thống nhất.

- Rà soát, chuẩn bị các điều kiện tối thiểu nêu trên để bảo đảm việc tiếp nhận, triển khai, khai thác nền tảng được thống nhất, hiệu quả.

- Tổ chức sử dụng nền tảng đúng mục đích, đúng quy trình; phản ánh kịp thời khó khăn, vướng mắc trong quá trình khai thác.

- Trường hợp chưa đáp ứng điều kiện tối thiểu, địa phương phối hợp với Văn phòng Quốc hội để thống nhất phương án, lộ trình triển khai phù hợp.

IX. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch này từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Căn cứ phương án triển khai cụ thể đối với từng nền tảng, từng địa phương, Văn phòng Quốc hội bảo đảm các nội dung thuộc trách nhiệm của trung ương theo quy định và trong phạm vi nguồn lực được bố trí.

- Các địa phương chủ động bảo đảm các điều kiện, nguồn lực thuộc trách nhiệm của địa phương, bao gồm hạ tầng công nghệ thông tin, thiết bị đầu cuối, đường truyền, nhân lực vận hành, các chi phí phát sinh theo phương án đã được thống nhất, trừ trường hợp có quy định hoặc quyết định khác của cấp có thẩm quyền.

- Việc sử dụng kinh phí phải bảo đảm đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí, trùng lặp đầu tư.

X. PHỤ LỤC KÈM THEO

1. Phụ lục I: Danh sách các địa phương đăng ký nhu cầu triển khai các nền tảng số dùng chung.

2. Phụ lục II: Danh mục các nền tảng số dùng chung và phạm vi chức năng triển khai.

3. Phụ lục III: Tiến độ dự kiến triển khai theo từng nền tảng, từng địa phương.

4. Phụ lục IV: Yêu cầu tối thiểu về hạ tầng kỹ thuật, dữ liệu, nhân sự, an toàn thông tin.

5. Phụ lục V: Phân công đầu mối phối hợp, hỗ trợ triển khai giữa Văn phòng Quốc hội, Tập đoàn Viettel và địa phương.

Trên đây là Kế hoạch triển khai các nền tảng số dùng chung của Quốc hội. Đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm thống nhất, đồng bộ, hiệu quả. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc

hoặc phát sinh, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Văn phòng Quốc hội (qua Vụ Chuyên đổi số) để xem xét, xử lý./.

Nơi nhận:

- Đ/c CTQH (để b/c);
- Các đ/c PCTQH (để b/c);
- UBTVQH;
- HĐDT, các UB của QH;
- Bộ KH&CN; Ban Chỉ đạo 35; VPTW Đảng;
- CN VPQH (để b/c);
- Các PCN VPQH;
- Đoàn ĐBQH, HĐND, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh/tp;
- Vụ CDS, Tập đoàn Viettel;
- Lưu: HC, CDS.

**KT. CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM**

Nguyễn Mạnh Hùng

PHỤ LỤC I

Danh sách Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, thành phố đăng ký sử dụng các nền tảng dùng chung

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-VPQH ngày tháng 4 năm 2026
của Văn phòng Quốc hội)

STT	Cơ quan đăng ký	Nền tảng đăng ký	Thời gian đăng ký triển khai
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố Huế	1. Bình dân học vụ số - Quốc hội số	Năm 2026
		2. Nền tảng họp trực tuyến Q-Cabinet	Tháng 1/2026
		3. Hệ thống phần mềm dân nguyện (ý kiến cử tri và khiếu nại, tố cáo)	Tháng 1/2026
2	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Hà Tĩnh	1. Bình dân học vụ số - Quốc hội số	Quý I/2026
		2. Nền tảng họp trực tuyến Q-Cabinet	Quý II/2026
		3. Hệ thống phần mềm dân nguyện (ý kiến cử tri và khiếu nại, tố cáo)	Quý III/2026
3	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Gia Lai	1. Bình dân học vụ số - Quốc hội số	Năm 2026
		2. Nền tảng họp trực tuyến Q-Cabinet	Năm 2026
		3. Hệ thống phần mềm dân nguyện (ý kiến cử tri và khiếu nại, tố cáo)	Năm 2026
4	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Đồng Tháp	1. Bình dân học vụ số - Quốc hội số	Tháng 4/2026
		2. Nền tảng họp trực tuyến Q-Cabinet	Tháng 4/2026
		3. Hệ thống phần mềm dân nguyện (ý kiến cử tri và khiếu nại, tố cáo)	Tháng 4/2026
5	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Điện Biên	1. Bình dân học vụ số - Quốc hội số	Tháng 1/2026
		2. Hệ thống phần mềm dân nguyện (ý kiến cử tri và khiếu nại, tố cáo)	Tháng 1/2026
		3. Hệ thống phần mềm quản lý thông tin bầu cử	Tháng 1/2026
6	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Bắc Ninh	1. Bình dân học vụ số - Quốc hội số	Tháng 4/2026
		2. Nền tảng họp trực tuyến Q-Cabinet	Tháng 4/2026
		3. Hệ thống phần mềm dân nguyện (ý kiến cử tri và khiếu nại, tố cáo)	Tháng 4/2026

STT	Cơ quan đăng ký	Nền tảng đăng ký	Thời gian đăng ký triển khai
7	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Ngãi	1. Bình dân học vụ số - Quốc hội số	Tháng 1/2026
		2. Hệ thống phần mềm dân nguyện (ý kiến cử tri và khiếu nại, tố cáo)	Tháng 1/2026
8	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Ninh Bình	1. Bình dân học vụ số - Quốc hội số	Quý I/2026
		2. Hệ thống phần mềm quản lý thông tin bầu cử	Quý I/2026
		3. Hệ thống phần mềm dân nguyện (ý kiến cử tri và khiếu nại, tố cáo)	Quý I/2026
		4. Nền tảng Phòng họp không giấy tờ (Q-Cabinet)	Quý I/2026
9	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Sơn La	1. Bình dân học vụ số - Quốc hội số	Quý I/2026
		2. Hệ thống phần mềm quản lý thông tin bầu cử	Quý I/2026
		3. Hệ thống phần mềm dân nguyện (ý kiến cử tri và khiếu nại, tố cáo)	Quý I/2026
		4. Nền tảng Phòng họp không giấy tờ (Q-Cabinet)	Quý I/2026
10	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Tuyên Quang	1. Bình dân học vụ số - Quốc hội số	Tháng 4/2026
		2. Nền tảng Phòng họp không giấy tờ (Q-Cabinet)	Tháng 4/2026
		3. Hệ thống phần mềm dân nguyện (ý kiến cử tri và khiếu nại, tố cáo)	Tháng 4/2026
11	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Nghệ An	1. Bình dân học vụ số - Quốc hội số	Quý II/2026
		2. Nền tảng Phòng họp không giấy tờ (Q-Cabinet)	Quý II/2026
		3. Hệ thống phần mềm dân nguyện (ý kiến cử tri và khiếu nại, tố cáo)	Quý II/2026
12	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Hà Tĩnh	1. Quản lý thông tin bầu cử	Không nêu cụ thể
13	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND Thành phố Hải Phòng	1. Hệ thống phần mềm dân nguyện (ý kiến cử tri và khiếu nại, tố cáo)	Tháng 01/2026
14	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND	1. Bình dân học vụ số - Quốc hội số	Tháng 3/2026

STT	Cơ quan đăng ký	Nền tảng đăng ký	Thời gian đăng ký triển khai
	tỉnh Đồng Nai	2. Hệ thống phần mềm dân nguyện (ý kiến cử tri và khiếu nại, tố cáo)	Tháng 3/2026
15	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Cao Bằng	1. Bình dân học vụ số - Quốc hội số	Tháng 3/2026
		2. Nền tảng Phòng họp không giấy tờ (Q-Cabinet)	Tháng 3/2026
		3. Hệ thống phần mềm dân nguyện (ý kiến cử tri và khiếu nại, tố cáo)	Tháng 3/2026
16	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Ninh	1. Bình dân học vụ số - Quốc hội số	Quý I/2026
		2. Nền tảng Phòng họp không giấy tờ (Q-Cabinet)	Quý I/2026
		3. Hệ thống phần mềm dân nguyện (ý kiến cử tri và khiếu nại, tố cáo)	Quý I/2026
		4. Hệ thống phần mềm quản lý thông tin bầu cử	Quý I/2026
17	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Lai Châu	1. Bình dân học vụ số - Quốc hội số	Quý II/2026
		2. Nền tảng Phòng họp không giấy tờ (Q-Cabinet)	Quý II/2026
		3. Hệ thống phần mềm dân nguyện (ý kiến cử tri và khiếu nại, tố cáo)	Quý II/2026
18	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Vĩnh Long	1. Bình dân học vụ số - Quốc hội số	Không nêu cụ thể
		2. Nền tảng Phòng họp không giấy tờ (Q-Cabinet)	Không nêu cụ thể
		3. Hệ thống phần mềm dân nguyện (ý kiến cử tri và khiếu nại, tố cáo)	Không nêu cụ thể

PHỤ LỤC II

Danh mục 04 nền tảng số dùng chung và phạm vi chức năng triển khai
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-VPQH ngày tháng 4 năm 2026
của Văn phòng Quốc hội)

STT	Tên nền tảng dùng chung	Phạm vi, chức năng triển khai	Đối tượng sử dụng chủ yếu	Ghi chú
1	Nền tảng Bình dân học vụ số – Quốc hội số	Hỗ trợ cung cấp nội dung, tài liệu, học liệu, thông tin phục vụ công tác tuyên truyền, phổ biến, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nâng cao nhận thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ số cho cán bộ, công chức, người lao động trong hệ thống các cơ quan dân cử	Đoàn ĐBQH; HĐND; Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND các tỉnh, thành phố; cán bộ, công chức liên quan	Phạm vi chức năng cụ thể thực hiện theo cấu hình, phân quyền và hướng dẫn sử dụng do Văn phòng Quốc hội ban hành
2	Hệ thống phần mềm dân nguyện (ý kiến cử tri và khiếu nại, tố cáo)	Hỗ trợ tiếp nhận, quản lý, phân loại, theo dõi, tổng hợp, tra cứu và báo cáo đối với ý kiến, kiến nghị của cử tri, đơn thư khiếu nại, tố cáo và các nội dung dân nguyện khác theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan dân cử	Đoàn ĐBQH; HĐND; Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND các tỉnh, thành phố; cán bộ phụ trách công tác dân nguyện	Việc triển khai gắn với quy trình nghiệp vụ, chế độ phân quyền và yêu cầu bảo mật thông tin
3	Nền tảng họp không giấy tờ (Q-Cabinet)	Hỗ trợ tổ chức phiên họp, kỳ họp, cuộc họp, giao ban, họp chuyên đề theo phương thức điện tử; cung cấp, chia sẻ, tra cứu tài liệu họp; hỗ trợ trao đổi, điều hành, theo dõi nội dung phục vụ họp không giấy tờ	Lãnh đạo Đoàn ĐBQH, Thường trực HĐND, lãnh đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND; cán bộ, công chức liên quan	Phạm vi sử dụng thực hiện theo nhu cầu thực tế của từng địa phương và khả năng bảo đảm hạ tầng kỹ thuật

4	Nền tảng hỗ trợ công tác đại biểu và cơ quan dân cử	Hỗ trợ cập nhật, quản lý, khai thác, tổng hợp thông tin, hồ sơ, dữ liệu phục vụ công tác đại biểu dân cử và hoạt động của cơ quan dân cử; hỗ trợ chia sẻ, kết nối, khai thác thông tin từ các hệ thống liên quan phục vụ quản lý, điều hành, tổng hợp, báo cáo	Đoàn ĐBQH; HĐND; Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND các tỉnh, thành phố; cán bộ, công chức liên quan	Triển khai trên cơ sở tích hợp, kết nối, khai thác dữ liệu từ các hệ thống có liên quan theo lộ trình phù hợp
---	---	--	---	---

PHỤ LỤC III

Tiến độ dự kiến triển khai theo từng nền tảng, từng địa phương
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số/KH-VPQH ngày ... tháng 4 năm 2026
của Văn phòng Quốc hội)

I. Tiến độ tổng thể

Giai đoạn	Nội dung công việc trọng tâm	Thời gian dự kiến	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Rà soát nhu cầu, phân nhóm địa phương, xác định phạm vi triển khai đối với từng nền tảng	Quý II/2026	Vụ Chuyển đổi số	Tập đoàn Viettel; các địa phương
2	Khảo sát hiện trạng, thống nhất nội dung, hình thức, lộ trình triển khai với địa phương	Quý II/2026	Vụ Chuyển đổi số	Tập đoàn Viettel; các địa phương
3	Thiết lập, cài đặt, cấu hình hệ thống; chuẩn bị dữ liệu; phân quyền tài khoản	Quý II/2026	Vụ Chuyển đổi số	Tập đoàn Viettel; các địa phương
4	Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn sử dụng; vận hành thử	Quý II/2026	Vụ Chuyển đổi số	Tập đoàn Viettel; các địa phương

2. Tiến độ dự kiến của từng nền tảng

STT	Tên nền tảng	Rà soát nhu cầu, khảo sát	Cài đặt, cấu hình	Đào tạo, tập huấn	Vận hành thử	Triển khai chính thức	Ghi chú
1	Nền tảng Bình dân học vụ số – Quốc hội số	Quý II/2026	Quý II/2026	Quý II/2026	Quý II/2026	Quý II/2026	Thực hiện theo nhu cầu và mức độ sẵn sàng của địa phương
2	Hệ thống phần mềm dân nguyện	Quý II/2026	Quý II/2026	Quý II/2026	Quý II/2026	Quý II/2026	Gắn với rà soát quy trình nghiệp vụ tại địa phương

3	Nền tảng hợp không giấy tờ (Q-Cabinet)	Quý II/2026	Quý II/2026	Quý II/2026	Quý II/2026	Quý II/2026	Ưu tiên địa phương có đủ điều kiện hạ tầng, thiết bị
4	Nền tảng hỗ trợ công tác đại biểu và cơ quan dân cử	Quý II/2026	Quý II/2026	Quý II/2026	Quý II/2026	Quý II/2026	Theo lộ trình phù hợp với yêu cầu tích hợp, kết nối dữ liệu

PHỤ LỤC IV

Yêu cầu tối thiểu về hạ tầng kỹ thuật, dữ liệu, nhân sự, an toàn thông tin (Ban hành kèm theo Kế hoạch số/KH-VPQH ngày ... tháng 4 năm 2026 của Văn phòng Quốc hội)

1. Yêu cầu tối thiểu về hạ tầng kỹ thuật

- Có hạ tầng mạng nội bộ, kết nối Internet hoặc kết nối chuyên dùng phù hợp với yêu cầu triển khai, khai thác từng nền tảng.
- Có thiết bị đầu cuối phục vụ cán bộ, công chức, người lao động sử dụng nền tảng, bao gồm máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng hoặc thiết bị phù hợp khác theo nhu cầu thực tế.
- Có hệ thống máy chủ, thiết bị lưu trữ, môi trường cài đặt, vận hành hoặc phương án sử dụng hạ tầng tập trung theo hướng dẫn của Văn phòng Quốc hội, phù hợp với từng nền tảng và phương án triển khai được phê duyệt.
- Có giải pháp bảo đảm đường truyền ổn định, phục vụ truy cập, khai thác, cập nhật, đồng bộ dữ liệu trong quá trình sử dụng.
- Có các điều kiện cần thiết về nguồn điện, sao lưu, dự phòng, bảo trì, bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật trong quá trình vận hành.

2. Yêu cầu tối thiểu về dữ liệu

- Chuẩn bị đầy đủ dữ liệu đầu vào cần thiết phục vụ cài đặt, cấu hình, phân quyền, quản lý, vận hành, khai thác từng nền tảng.
- Dữ liệu phải được rà soát, đối chiếu, bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, đồng bộ và được cập nhật kịp thời theo yêu cầu nghiệp vụ.
- Dữ liệu sử dụng để tích hợp, chia sẻ, khai thác phải tuân thủ quy định của pháp luật, quy định nội bộ và hướng dẫn của Văn phòng Quốc hội.
- Địa phương có trách nhiệm phối hợp chuẩn hóa, cập nhật, duy trì dữ liệu thuộc phạm vi quản lý, sử dụng của mình.
- Việc quản lý, khai thác, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu phải gắn với phân quyền cụ thể, bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng thẩm quyền.

3. Yêu cầu tối thiểu về nhân sự

- Cán bộ lãnh đạo chỉ đạo, đầu mối chuyên môn nghiệp vụ và đầu mối kỹ thuật phối hợp với Văn phòng Quốc hội trong suốt quá trình triển khai, vận hành, hỗ trợ sử dụng.
- Bố trí cán bộ quản trị hệ thống hoặc cán bộ kỹ thuật có khả năng tiếp nhận, phối hợp cài đặt, cấu hình, theo dõi, hỗ trợ, xử lý các tình huống phát sinh ban đầu.
- Bố trí cán bộ nghiệp vụ trực tiếp khai thác, cập nhật, sử dụng hệ thống phù hợp với từng nền tảng.

- Bảo đảm nhân sự tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, tập huấn, hướng dẫn sử dụng do Văn phòng Quốc hội hoặc đơn vị được giao tổ chức.

- Trong quá trình triển khai, khi có thay đổi đầu mối, địa phương cần kịp thời thông báo để bảo đảm việc phối hợp không bị gián đoạn.

4. Yêu cầu tối thiểu về an toàn, an ninh thông tin

- Việc triển khai, vận hành, khai thác các nền tảng phải tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định có liên quan.

- Bảo đảm phân quyền người dùng, kiểm soát truy cập, quản lý tài khoản, mật khẩu, nhật ký hệ thống theo đúng quy định và hướng dẫn của Văn phòng Quốc hội.

- Có biện pháp sao lưu, phục hồi dữ liệu, phòng ngừa rủi ro, ứng phó sự cố, bảo đảm duy trì hoạt động của hệ thống trong điều kiện cần thiết.

- Không tự ý kết nối, chia sẻ, trích xuất, sao chép, sử dụng dữ liệu trái quy định; không để lộ, lọt thông tin, tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước hoặc thông tin nhạy cảm trong quá trình triển khai, vận hành, khai thác.

- Thực hiện kiểm tra, rà soát, đánh giá và khắc phục các nguy cơ mất an toàn thông tin trong quá trình sử dụng theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

PHỤ LỤC V
Phân công đầu mối phối hợp, hỗ trợ triển khai
giữa Văn phòng Quốc hội, Tập đoàn Viettel và địa phương
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số/KH-VPQH ngày ... tháng ... năm 2026
của Văn phòng Quốc hội)

1. Nguyên tắc phân công đầu mối

- Mỗi nền tảng số dùng chung được phân công rõ đầu mối chủ trì tại Văn phòng Quốc hội, đầu mối kỹ thuật của Tập đoàn Viettel và đầu mối phối hợp tại địa phương để bảo đảm thống nhất trong quá trình triển khai, vận hành, hỗ trợ sử dụng.

- Việc phân công đầu mối phải bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ phương thức phối hợp và rõ phạm vi xử lý công việc.

- Đầu mối phối hợp có trách nhiệm duy trì liên lạc thường xuyên, kịp thời trao đổi, xử lý các nội dung phát sinh trong quá trình khảo sát, cài đặt, cấu hình, đào tạo, vận hành thử và triển khai chính thức.

- Trường hợp có thay đổi đầu mối, cơ quan, đơn vị liên quan phải kịp thời thông báo bằng văn bản hoặc hình thức phù hợp để bảo đảm việc phối hợp không bị gián đoạn.

2. Phân công đầu mối phối hợp theo nhóm cơ quan

2.1. Đầu mối tại Văn phòng Quốc hội

STT	Nội dung/ nhóm công việc	Đơn vị đầu mối	Trách nhiệm chính	Ghi chú
1	Chủ trì tham mưu chung, điều phối triển khai Kế hoạch	Vụ Chuyên đôi số	Chủ trì xây dựng kế hoạch chi tiết; điều phối chung; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai; tham mưu báo cáo Lãnh đạo Văn phòng Quốc hội	Là đầu mối chung
2	Phối hợp rà soát, hoàn thiện yêu cầu nghiệp vụ đối với từng nền tảng	Các cục, vụ, đơn vị có liên quan	Phối hợp xác định yêu cầu nghiệp vụ, quy trình sử dụng, nội dung hướng dẫn, tài liệu tập huấn; phối hợp đánh giá hiệu quả sử dụng	Theo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị

3	Hướng dẫn, tiếp nhận, tổng hợp khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai	Vụ Chuyên đổi số	Làm đầu mối tiếp nhận phản ánh từ địa phương, từ đơn vị kỹ thuật; tổng hợp, tham mưu xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền	Thực hiện xuyên suốt quá trình triển khai
---	---	------------------	---	---

2.2. Đầu mối kỹ thuật của Tập đoàn Viettel

STT	Nội dung/nhóm công việc	Đơn vị đầu mối	Trách nhiệm chính	Ghi chú
1	Khảo sát, xây dựng phương án kỹ thuật triển khai	Tập đoàn Viettel	Khảo sát hiện trạng; đề xuất phương án cài đặt, cấu hình, kết nối, tích hợp; tham gia hoàn thiện phương án triển khai	
2	Cài đặt, cấu hình, kiểm thử, hỗ trợ vận hành	Tập đoàn Viettel	Tổ chức cài đặt, cấu hình hệ thống; hỗ trợ kiểm thử kỹ thuật, xử lý lỗi, khắc phục sự cố; hỗ trợ trong giai đoạn vận hành thử và triển khai chính thức	Theo từng nền tảng và từng địa phương
3	Hỗ trợ đào tạo, hướng dẫn sử dụng	Tập đoàn Viettel	Chuẩn bị tài liệu tập huấn, hướng dẫn sử dụng, hỗ trợ người dùng	

2.3. Đầu mối phối hợp tại địa phương

STT	Nhóm đầu mối	Cơ quan/đơn vị cử đầu mối	Trách nhiệm chính	Ghi chú
1	Cán bộ lãnh đạo	Đoàn ĐBQH, HĐND, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, thành phố	Chỉ đạo, điều phối, cho ý kiến đối với các nội dung triển khai tại địa phương; bảo đảm sự phối hợp giữa các bộ phận liên quan	Mỗi địa phương cử ít nhất 01 đầu mối

STT	Nhóm đầu mối	Cơ quan/ đơn vị cử đầu mối	Trách nhiệm chính	Ghi chú
2	Đầu mối chuyên môn, nghiệp vụ	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, thành phố hoặc bộ phận chuyên môn có liên quan	Phối hợp rà soát yêu cầu nghiệp vụ, chuẩn bị dữ liệu, tham gia đào tạo, cập nhật, khai thác và sử dụng nền tảng	Theo từng nền tảng cụ thể
3	Đầu mối kỹ thuật	Bộ phận công nghệ thông tin hoặc cán bộ kỹ thuật được phân công	Phối hợp khảo sát hạ tầng, tiếp nhận cài đặt, cấu hình, hỗ trợ quản trị hệ thống, xử lý các tình huống kỹ thuật ban đầu	

3. Phân công đầu mối theo từng nền tảng

STT	Tên nền tảng	Đầu mối chủ trì tại VPQH	Đầu mối kỹ thuật Tập đoàn Viettel	Đầu mối phối hợp tại địa phương
1	Nền tảng Bình dân học vụ số – Quốc hội số	Vụ Chuyên đổi số	Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, thành phố
2	Hệ thống phần mềm dân nguyện	Vụ Chuyên đổi số	Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, thành phố
3	Nền tảng hợp không giấy tờ Q-Cabinet	Vụ Chuyên đổi số	Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, thành phố
4	Nền tảng hỗ trợ công tác đại biểu và cơ quan dân cử	Vụ Chuyên đổi số	Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, thành phố